

	6	5	4	3	2	1																																																										
E	REV	DESCRIPTION	TCO/TRO NO	ER NO:	ECO NO:	NOTICE OF PROPRIETARY INFORMATION: INFORMATION CONTAINED HEREIN IS PROPRIETARY AND IS PROPERTY OF SKYLINK MANUFACTURING VN LTD. UNAUTHORIZED USE AND CPYING ARE PROHIBITED																																																										
D	制作要求: 1. 尺寸: 20x12mm, 2. 材质: 哑银箔贴纸过光胶 3. 颜色: 银底黑字 4. 公差: ±0.2mm 5. 满足高温65℃, 低温-30℃, 4小时的粘性测试的要求, 无起泡、剥落、褪色的现象 6. 符合ROHS					20 12 Model/Modèle:WB-602 FCC ID: KUTWB602 IC: 4454A-WB602 Made in Vietnam Fabriqué au Vietnam SKYLINK GROUP	TL: 1:1																																																									
C																																																																
B						CHÚ Ý: 1. Kích thước: 20x12mm, bo góc R1. 2. Chất liệu: Tem cán bạc mờ 3. Màu in: Màu đen trên nền bạc. 4. Dung sai: 0. 5. Điều kiện test: Kiểm tra độ bám dính ở nhiệt độ cao +65℃ và nhiệt độ thấp -30℃ mỗi loại trong 4h; kiểm tra trong điều kiện thường trong 72h nếu không bong tróc, phồng rộp, phai mực là OK 6. Yêu cầu tuân thủ tiêu chuẩn Rohs.					Model/Modèle:WB-602 FCC ID: KUTWB602 IC: 4454A-WB602 Made in Vietnam Fabriqué au Vietnam SKYLINK GROUP	TL: 3:1																																																				
A	SKYLINK® SKYLINK MANUFACTURING VN LTD. <table><tr><td colspan="2">TOLERANCE UNLESS ESPECIALLY EXPLAIN</td><td colspan="2"></td><td colspan="2">MODEL NAME:</td><td colspan="2">PART NAME:</td></tr><tr><td colspan="2">X. ±0.2 X. X. X ±0.05 X. X ±0.2 <X" ±0.05</td><td colspan="2"></td><td colspan="2">WB-602</td><td colspan="2">LABEL FCC ID, WB-602</td></tr><tr><td colspan="2">DRAW By</td><td colspan="2">NGUYEN TIEN KHIEM</td><td colspan="2">MAT' L</td><td colspan="2">P/N NO</td><td colspan="2">100V735</td></tr><tr><td colspan="2">Checked By</td><td colspan="2"></td><td colspan="2">COLOR</td><td colspan="2">FINISH</td><td colspan="2"></td></tr><tr><td colspan="2">Reviewed By</td><td colspan="2"></td><td colspan="2">SCALE</td><td>N/A</td><td>QTY</td><td colspan="2">TOOL NO</td></tr><tr><td colspan="2">Approved By</td><td colspan="2"></td><td colspan="2">SIZE</td><td>A4</td><td>UNIT</td><td>mm</td><td>SHEET</td><td>REV</td><td>A</td></tr></table>					TOLERANCE UNLESS ESPECIALLY EXPLAIN				MODEL NAME:		PART NAME:		X. ±0.2 X. X. X ±0.05 X. X ±0.2 <X" ±0.05				WB-602		LABEL FCC ID, WB-602		DRAW By		NGUYEN TIEN KHIEM		MAT' L		P/N NO		100V735		Checked By				COLOR		FINISH				Reviewed By				SCALE		N/A	QTY	TOOL NO		Approved By				SIZE		A4	UNIT	mm	SHEET	REV	A	
TOLERANCE UNLESS ESPECIALLY EXPLAIN				MODEL NAME:		PART NAME:																																																										
X. ±0.2 X. X. X ±0.05 X. X ±0.2 <X" ±0.05				WB-602		LABEL FCC ID, WB-602																																																										
DRAW By		NGUYEN TIEN KHIEM		MAT' L		P/N NO		100V735																																																								
Checked By				COLOR		FINISH																																																										
Reviewed By				SCALE		N/A	QTY	TOOL NO																																																								
Approved By				SIZE		A4	UNIT	mm	SHEET	REV	A																																																					
	6	5	4	3	2	1																																																										

Model/Modèle:WB-602

FCC ID: KUTWB602

IC: 4454A-WB602

Made in Vietnam

Fabrique au Vietnam

SKYLINK GROUP



Model/Modèle/Modelo:

WB-602

MMVBX-XX-XXXXXX

CPL

VN

Q.C.